

Số: 1700/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án:
Đường Đình Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa
bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND
thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt bổ sung lần 4 phương án bồi thường, hỗ
trợ dự án: Đường Đình Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai
Châu tại Tờ trình số 681 /TTr-TNMT ngày 21/12/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình: **Ông Nguyễn Tiến Bắc -
Cư trú tại: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh
Lai Châu, ông Tô Văn Hùng – Cư trú tại: Tổ 19, Phường Tân Phong, thành
phố Lai Châu và bà Vũ Thị Thúy – Cư trú tại: Xã Đồng Sơn, huyện Nam
Ninh, tỉnh Hà Nam (đồng quyền sử dụng đất), cụ thể như sau:**

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **138.105.848 đồng.**

*(Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu một trăm linh năm nghìn tám trăm
bốn mươi tám đồng).*

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao
đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 4 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì các hộ gia đình: Ông Nguyễn Tiến Bắc, ông Tô Văn Hùng và bà Vũ Thị Thúy có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

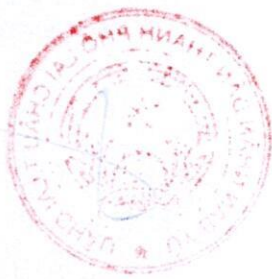
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

Handwritten signature in blue ink.



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 4)

Dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: *1700* /QĐ-UBND ngày *05* tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	03 hộ đồng quyền sử dụng đất (Nguyễn Tiến Bắc, Tô Văn Hùng, Vũ Thị Thúy)				
	Địa chỉ: Ông Nguyễn Tiến Bắc - Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong; Ông Tô Văn Hùng - Địa chỉ: Tổ 19, phường Tân Phong; Bà Vũ Thị Thúy - Địa chỉ: Đồng Sơn, Nam Ninh, tỉnh Hà Nam.				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				138.105.848
a	Về đất (đồng sử dụng)				43.674.930
1	Diện tích thu hồi	m ²	134,7		
2	Loại đất				
	Đất ở đô thị đường số 7 (nhánh 1) đoạn từ tiếp giáp nhánh 2 đến tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	m ²	58,4	720.000	42.048.000
	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	76,3	36.000	2.746.800
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m ²	58,4	-18.000	-1.051.200
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m ²	76,3	-900	-68.670
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Ba hộ đồng quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Mạnh Khiết tại hợp đồng chuyển nhượng số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/12/2018 tại phòng Công chứng Số 1 tỉnh Lai Châu, đất ông Khiết được nhà nước giao đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT024110 cấp ngày 30/9/2015.(Chưa thực hiện chỉnh lý đăng ký biến động)				
b	Về tài sản vật kiến trúc: Cửa gia đình ông Tô Văn Hùng đang sử dụng: Nhà xây dựng năm 2016, trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm, khi xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính, do ông Đặng Trung Hiệp xây dựng, năm 2018 chuyển nhượng lại cho ông Tô Văn Hùng. Đủ điều kiện hỗ trợ theo điểm c, khoản 7 Điều 21 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu				75.806.918
	Tài sản xây dựng trên đất ở: hỗ trợ 100% theo điểm c, khoản 7 Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu				
1	Nhà khung cột thép Φ 76 lợp tôn màu cao 2,5m (18,3*4), Phần tài sản xây dựng trên đất ở hỗ trợ bằng 100% đơn giá (7,3*4)	m ²	29,2	182.424	5.326.781
2	Tường xây gạch bi tường 12cm (7,3*2,2)	m ²	16,1	127.600	2.049.256
3	Trát VXM không đánh màu (7,3*2,2)	m ²	16,1	27.500	441.650
4	Trần thạch cao (7,3*4,1)	m ²	29,9	180.000	5.387.400
5	Tường xây gạch bi tường 12cm (22,8*0,4)	m ²	9,1	127.600	1.163.712
6	Tường xây gạch bi tường 25cm (7,3*0,25*0,4) tính bằng xây gạch bi KT 0,1*0,15*0,3	m ³	0,7	546.700	399.091



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
7	Nền lát gạch LD lót VXM (7,3*1,2) nằm trong nhà khung thép lợp tôn	m ²	8,8	143.000	1.252.680
8	Nền BT đá dăm dày 10cm (7,3*2,5) nằm trong nhà khung thép lợp tôn	m ²	18,3	83.600	1.525.700
9	Máng tôn	m	10,3	35.000	360.500
10	Ống nhựa PVC Φ 110	m	20,0	55.700	1.114.000
11	Công sắt (2,7*2,2)	m ²	5,9	825.000	4.900.500
12	Hàng rào khung sắt (1,5*2,7)	m ²	4,1	98.200	397.710
13	Hàng rào khung sắt (1,2*7)	m ²	8,4	98.200	824.880
14	Trụ công xây gạch bi (0,45*0,45*2,2)*3	m ²	1,3	546.700	730.665
15	Bán mái khung sắt lợp tôn 6,8*4 (tính bằng mục 6,5 Quyết định 30)	m ²	27,2	334.400	9.095.680
16	Nhựa quây tính bằng trần nhựa (6,8*1)	m ²	6,8	139.700	949.960
17	Cửa xếp (4*2,6)	m ²	10,4	825.000	8.580.000
18	Nền láng VXM dày 3cm (6,8*4) (nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn)	m ²	27,2	39.600	1.077.120
	Tài sản vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp: xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất, khi xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính, đủ điều kiện hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020				
19	Tường xây gạch bi tường 12cm (11*2,8)	m ²	30,8	63.800	1.965.040
20	Trát VXM không đánh màu (11*2,8)	m ²	30,8	13.750	423.500
21	Tường xây gạch bi tường 12cm (45,5*0,4)	m ²	18,2	63.800	1.161.160
22	Tường xây gạch bi tường 25cm (11*0,25*0,4) tính bằng xây gạch bi KT 0,1*0,15*0,3	m ³	1,1	273.350	300.685
23	Nền lát gạch LD lót VXM (11*1,2) nằm trong nhà khung thép	m ²	13,2	71.500	943.800
24	Nền BT đá dăm dày 10cm (11*2,5) nằm trong nhà khung thép	m ²	27,5	41.800	1.149.500
25	Máng tôn	m	15,0	17.500	262.500
26	Bóc tách nhà vệ sinh nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn				
26.1	Tường xây gạch bi t12cm (6*1,8)	m ²	10,8	63.800	689.040
26.2	Trát tường VXM đánh màu (6*1,8)	m ²	10,8	15.950	172.260
26.3	Bê phốt xây gạch đỏ tường 11cm (2,6*2,2*1,8)	m ²	10,3	378.950	3.901.669
26.4	Mái tôn (1,8*1,8)	m ²	3,2	57.750	187.110
26.5	Cửa tôn (0,75*1,9)		1,4	57.750	82.294
27	Xí xôm	Cái	1,0	45.000	45.000
28	Óp gạch (3,6*0,9) (tính bằng lát nền gạch liên doanh) nằm trong nhà vệ sinh	m ²	3,2	71.500	231.660
29	Gạch lát liên doanh (1,2*1,2) nằm trong nhà vệ sinh	m ²	1,4	71.500	102.960
30	Bếp lò xây gạch đỏ (2,1*1,1*0,6)	m ³	1,4	493.900	684.545
31	Bán mái khung sắt lợp tôn (8,0*3,0)	m ²	24,0	167.200	4.012.800



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
32	Nền BT đá dăm dày 10cm (8,0*3,0) nằm trong bán mái khung sắt lợp tôn	m ²	30,8	41.800	1.287.440
33	Tường xây gạch bi tường 12cm (7,6*2,2)	m ²	16,7	63.800	1.066.736
34	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	12,0	24.200	290.400
35	Tường xây gạch bi tường 12cm (30*2,1)	m ²	63,0	63.800	4.019.400
36	Rãnh thoát nước ngoài nhà xây gạch trát hoàn chỉnh	m	5,0	57.750	288.750
37	Tam cấp xây gạch (0,45*2,8*0,3)	m ²	0,4	273.350	103.326
38	Bán mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp tôn nền láng VXM cao 2 m (1,9*4)	m ²	7,6	57.750	438.900
39	Tôn quây (2*2,5)	m ²	5,0	57.750	288.750
40	Máng tôn	m	9,0	17.500	157.500
41	Khung sắt (0,8*3)*2 nằm trong nhà khung thép	m ²	4,8	49.100	235.680
42	Ống nhựa PVC Φ 110	m	6,0	27.850	167.100
43	Ống kẽm Φ 100	m	6,0	115.000	690.000
44	Ống nhựa PVC 34	m	20,0	4.750	95.000
45	Ống nhựa PVC 60	m	20,0	10.750	215.000
46	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	6,0	24.200	145.200
47	Ống nhựa PPRΦ 20	m	10,0	11.700	117.000
48	Khung sắt (1,5*4) nằm trong nhà khung thép	m ²	6,0	49.100	294.600
49	Nhà khung cột thép Φ 76 lợp tôn màu cao 2,5m: <i>Phần tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu) (11*4)</i>	m ²	44,0	91.212	4.013.328
c	Về cây cối hoa màu: Trồng trên đất của ông Tô Văn Hùng				624.000
1	Chậu cây cảnh (hỗ trợ di chuyển)	Chậu	26,0	24.000	624.000
d	Về chính sách hỗ trợ (cho gia đình ông Tô Văn Hùng)				18.000.000
1	Hỗ trợ làm đường nước	đồng/ hộ	1,0	2.000.000	2.000.000
2	Hỗ trợ lắp đặt điện thoại, truyền hình	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
3	Hỗ trợ lắp điện chiếu sáng	đồng/hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
4	Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục dời nhà cũ lên nhà mới	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
5	Hỗ trợ tiền thuê nhà (3 khẩu)	đồng/ tháng	5,0	2.000.000	10.000.000
6	Bồi thường chi phí di chuyển nhà	đồng/ hộ	1,0	3.000.000	3.000.000

